

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-11-2018
V/v không công nhận quan hệ hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc không công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, nơi cư trú: Tổ Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình Đ, nơi cư trú: Tổ Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20-9-2018, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do ông bà không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Gần đây nhất bà và ông Đ cãi nhau rồi ông Đ đánh bà, sau đó ông Đ bỏ đi khoảng hơn 01 tháng sau mới trở về nhà. Bà đã cố gắng chịu đựng, chung sống hòa thuận vì các con nhưng càng chung sống thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ

đầu tháng 6 năm 2018 đến nay, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 04-9-1993 và Hoàng Đình H, sinh ngày 26-8-1996. Chị H và anh H đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn là ông Hoàng Đình Đ trình bày: Ông chung sống với bà H như vợ chồng từ tháng 11 năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay, ông và bà H đã có 02 con là Hoàng Thị H, sinh năm 1993 và Hoàng Đình H, sinh năm 1996. Thời gian gần đây, ông và bà H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên có xảy ra cãi vã, xô xát. Ông biết mình đã sai nên đã cố gắng sửa chữa những sai lầm trước đây ông gây ra với bà H để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhưng ông và bà H không thể ngồi nói chuyện với nhau và ông bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, ông đã cố gắng thuyết phục bà H rút đơn nhưng bà H không đồng ý, vì thế ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H; về con chung, các con của ông và bà H đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung thì ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm điều cấm của pháp luật, thuộc trường hợp không được hòa giải theo khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ hôn nhân, bị đơn là ông Hoàng Đình Đ, cư trú tại: Tổ Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn là bà Phạm Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về hôn nhân: Cả bà H và ông Đ đều khai ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND phường M và phường H, quận Đ, nơi ông bà cư trú từ năm 1991 đến nay đều xác nhận bà H và ông Đ không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, bà H và ông Đ có nghĩa vụ phải đi đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2001 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà H và ông Đ vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do mâu thuẫn giữa ông, bà nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là Hoàng Thị H, sinh năm 1993 và Hoàng Đình H, sinh năm 1996. Chị H và anh H đều đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0006876 ngày 25-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

